

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
“Mở rộng quy mô công suất thủy điện Séo Chong Hô” tại xã Bản Hồ và xã
Tả Van, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Mở rộng quy mô công suất thủy điện Séo Chong Hô” tại xã Bản Hồ và xã Tả Van, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Mở rộng quy mô công suất thủy điện Séo Chong Hô” tại xã Bản Hồ và xã Tả Van, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 159/VCP-KHĐT ngày 15/7/2020 của Công ty TNHH Đầu tư điện lực Việt - Trung;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Mở rộng quy mô công suất thủy điện Séo Chong Hô” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Đầu tư điện lực Việt - Trung (sau đây gọi là Chủ dự án)

thực hiện tại xã Bản Hồ và xã Tả Van, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Đầu tư điện lực Việt - Trung;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND tỉnh Lào Cai;
- Sở TN&MT tỉnh Lào Cai;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT (03). Ninh (12).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Võ Tuấn Nhân

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN “MỞ RỘNG QUY MÔ CÔNG SUẤT THỦY ĐIỆN SÉO CHONG HỒ” TẠI XÃ BẢN HỒ VÀ XÃ TẢ VAN, THỊ XÃ SA PA, TỈNH LÀO CAI

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2020 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Thông tin về Dự án:

- Tên Dự án: Mở rộng quy mô công suất thủy điện Séo Chong Hồ.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Đầu tư điện lực Việt - Trung.
- Địa chỉ liên hệ: thôn Séo Trung Hồ, xã Bản Hồ, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai.
- Địa điểm thực hiện Dự án: xã Bản Hồ và xã Tả Van, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai.

1.1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Phạm vi Dự án: Dự án được xây dựng trên địa bàn xã Bản Hồ và xã Tả Van, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai. Tổng diện tích đất sử dụng của Dự án theo Quy hoạch là 87,86 ha.

- Quy mô, công suất: Nhà máy thủy điện Séo Chong Hồ sau mở rộng có tổng công suất lắp máy là 30MW với 03 tổ máy:

+ 02 tổ máy hiện trạng, công suất 11MW/1 tổ máy;

+ 01 tổ máy lắp đặt mới, công suất 08MW.

- Tổng điện lượng trung bình năm là 112,1 triệu KWh.

1.2. Các hạng mục công trình chính của Dự án:

- Các hạng mục chính của Dự án bao gồm: Hồ chứa nước, đập dâng, đập tràn xả lũ, cửa lấy nước, hầm dẫn nước, tháp điều áp, đường ống áp lực, nhà máy thủy điện, kênh xả hạ lưu và trạm biến áp (đang hoạt động bình thường).

- Các hạng mục chính đầu tư xây dựng mở rộng bao gồm:

+ Nhà máy: Bố trí thêm một tổ máy có công suất 08MW trong phạm vi mặt bằng nhà máy hiện hữu.

+ Đường ống: Trích nước bằng đường ống thép từ đường ống chính tại vị trí phía trước mố néo MN19 khoảng 2÷3m về phía thượng lưu, chiều dài ống nhánh $L = 65m$.

+ Trạm phân phối điện ngoài trời: tiến hành mở rộng mặt bằng trạm cũ, lắp thêm 01 máy biến áp.

+ Kè đá xung quanh nhà máy và đường vào nhà máy.

+ Cải tạo tuyến đường vận hành (lên đập); đoạn đường vận hành vào nhà máy (đoạn cuối giáp cổng nhà máy) và cải tạo khuôn viên nhà máy (nhà vệ sinh,

kho chứa, trồng cây xanh, lát sân...);

+ Các hạng mục còn lại giữ nguyên công trình cũ.

Bảng 1. Các thông số công trình của Dự án

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị theo hồ sơ thiết kế cũ	Giá trị sau khi mở rộng
I	Thủy văn			
	Diện tích lưu vực	km ²	26	26
	Lượng mưa trung bình năm	mm	3100	3300
	Bốc hơi	mm	379,8	379,8
	Lưu lượng trung bình Q ₀	m ³ /s	1,77	2,07
	Tổng lượng dòng chảy	10 ⁶ m ³	55,8	65,28
II	Hồ chứa			
	Mức nước dâng bình thường	m	1570	1562
	Mức nước chết	m	1550	1550
	Dung tích toàn bộ	10 ⁶ m ³	7,6	7,6
	Dung tích chết	10 ⁶ m ³	2,1	2,1
	Dung tích hữu ích	10 ⁶ m ³	5,5	5,5
	Hệ số điều tiết hồ		0,1	0,1
	Diện tích hồ ứng với MNDBT	ha	58	58
III	Thủy năng			
	Công suất lắp máy	MW	21,5	30
	Công suất đảm bảo P85%	MW	4,91	6,0
	Điện lượng trung bình năm	10 ⁶ KWh	97,2	112,1
	Số giờ sử dụng Nlm	giờ	4518	3737
	Cột nước địa hình	m	866	866
	Cột nước max	m	863,3	863,1
	Cột nước min	m	818,5	783,7
	Cột nước trung bình	m	847,9	844,3
	Cột nước tính toán	m	819,92	796,43
	Lưu lượng thiết kế	m ³ /s	3,42	4,38
IV	Công trình thủy công			
1	Đập đầu mối			
	Loại đập		VLĐP	VLĐP
	Cao trình đỉnh đập	m	1563,5	1563,5
	Cao trình tường chắn sóng	m	164,5	164,5
	Chiều dài đỉnh đập	m	129	129
	Chiều rộng đỉnh đập	m	7	7
	Chiều cao max	m	42	42
	Mái dốc thượng lưu		1:1,405	1:1,405
	Mái dốc hạ lưu		1:1,5	1:1,5
2	Tràn xả lũ			
	Loại tràn		đỉnh rộng	đỉnh rộng
	Số khoang, kích thước cửa van	m	2 x 6 x 8	2 x 6 x 8
	Cao trình ngưỡng tràn	m	1554	1554
	Chiều dài dốc nước	m	50	50
	Đỉnh lũ thiết kế P1%	m ³ /s	480	480
	Đỉnh lũ kiểm tra P0,2%	m ³ /s	639	639
	Mức nước ứng với lũ P1%	m	1562,08	1562,08

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị theo hồ sơ thiết kế cũ	Giá trị sau khi mở rộng
	Mức nước ứng với lũ P0,2%	m	1562,48	1562,48
3	Cửa lấy nước			
	Kiểu		tháp	tháp
	Số khoang, kích thước cửa	m	1 x 1,8 x 1,8	1x1,8x1,8
	Cao trình ngưỡng vào	m	1546	1546
4	Tuynen			
	Mặt cắt		móng ngựa	móng ngựa
	Chiều dài tuyến	m	3692	3692
	Đường kính trong	m	1,8	1,8
5	Tháp điều áp			
	Kiểu		lăng trụ, hở	lăng trụ, hở
	Đường kính trong	m	5	5
	Cao trình đỉnh tháp	m	1572,5	1572,5
	Chiều cao	m	31,7	31,7
6	Đường ống áp lực			
	Chiều dài	m	2165	2165
	Đường kính trong	m	1,1	1,1
	Chiều dày ống	mm	10 ÷ 34	10 ÷ 34
7	Nhà máy thủy điện			
	Kiểu		hở	hở
	Kích thước	m	41,5 x 20,9	55,5 x 20,9
	Công suất lắp máy	MW	22	30
	Số tổ máy		2	3
	Cao trình sàn lắp máy		695,95	695,95
	Cao trình tim tuabin		696,76	696,76
8	Trạm phân phối			
	Kiểu		hở	hở
	Kích thước	m	30 x 45	39 x 45
	Cao trình nền trạm		695,95	695,95

1.3. Quy trình công nghệ vận hành của Dự án:

Nước được tích tại hồ chứa tạo thành thế năng, thế năng của dòng nước khi chảy qua tua bin sẽ được chuyển đổi thành cơ năng làm quay máy phát điện, tạo ra dòng điện. Sau khi phát điện nước được trả về suối Séo Trung Hồ qua kênh xả của nhà máy.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- Đối với môi trường không khí: tiếng ồn, bụi, khí thải phát sinh chủ yếu từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu; quá trình đào, đắp đất đá; hoạt động nổ mìn, hàn, trạm trộn bê tông, trạm nghiền; hoạt động của máy móc, thiết bị.

- Đối với môi trường nước: nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của các cán bộ nhân viên làm việc trong Dự án, nước thải sản xuất trong quá trình xây dựng, nước thải từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng máy móc và lượng nước mưa chảy tràn cuốn trôi các chất bẩn trên mặt bằng Dự án.

- Đối với chế độ dòng chảy và lưu lượng nước:

+ Tác động đến chế độ thủy văn: Quá trình tích nước hồ đã làm thay đổi căn bản chế độ thủy văn của suối Séo Trung Hồ: từ chế độ thủy văn sông suối thành dạng hồ chứa trong đó mực nước thay đổi trong ngày từ mực nước chết đến mực nước dâng bình thường. Đoạn dòng suối từ đập dâng đến nhà máy dài 5,68km được duy trì dòng chảy tối thiểu $0,2\text{m}^3/\text{s}$ (theo Giấy phép khai thác sử dụng nước mặt số 2023/GP-BTNMT ngày 01/11/2011 đã được cấp, không có bất cứ sự tranh chấp nào về nguồn nước).

+ Có khả năng xảy ra sạt lở, tái tạo bờ hồ với những cấp độ khác nhau.

- Đối với hệ sinh thái, đa dạng sinh học: Dự án mở rộng quy mô công suất thủy điện Séo Chong Hồ đã nằm trong diện tích đất có sẵn của thủy điện Séo Chong Hồ, phần diện tích xây thêm là khu đất trống, do đó không ảnh hưởng lên hệ động thực vật, thảm phủ ngoài khu vực nhà máy, trong quá trình thi công xây dựng. Tiếng ồn trong quá trình thi công xây dựng có thể sẽ ảnh hưởng tới điều kiện môi trường sinh sống của các loài động vật gần khu vực nhà máy. Việc tập trung công nhân cũng tiềm tàng nguy cơ gây cháy nổ, chặt phá cây trái phép;

- Tác động do chất thải rắn: quá trình xây dựng sẽ phát sinh chất thải rắn xây dựng do hoạt động phá dỡ, xây dựng các hạng mục công trình và rác thải sinh hoạt từ cán bộ công nhân.

- Tác động do chất thải nguy hại: quá trình xây dựng và vận hành sẽ phát sinh lượng dầu mỡ thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển, sửa chữa các thiết bị và lượng rác thải nguy hại từ quá trình xây dựng, hoạt động của Dự án (pin ắc quy hỏng, giẻ lau nhiễm dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang thải, vỏ hộp dầu mỡ, sơn cặn...).

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

** Trong giai đoạn thi công:*

- Lượng nước thải thi công xây dựng ước tính khoảng $10,5\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$. Tính chất của nước thải sản xuất bao gồm các thông số ô nhiễm đặc trưng như: pH, BOD₅, COD, TSS.

- Lượng nước thải sinh hoạt ước tính khoảng $8\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$. Tính chất của nước thải sinh hoạt bao gồm các thông số ô nhiễm đặc trưng như: BOD₅, COD, TSS, Tổng N, Tổng P, Amoni, Coliform.

** Trong giai đoạn vận hành:*

- Lượng nước thải sinh hoạt ước tính khoảng: $3\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$. Tính chất của nước thải sinh hoạt bao gồm các thông số ô nhiễm đặc trưng như: BOD₅, COD, TSS, Tổng N, Tổng P, Amoni, Coliform.

- Giai đoạn vận hành không phát sinh nước thải sản xuất, chỉ phát sinh một lượng nước nhiễm dầu trong trường hợp xảy ra sự cố tua bin hoặc quá trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị không tuân thủ quy trình kỹ thuật với lượng nước thải ước tính khoảng 9m^3 . Tính chất của nước thải đặc trưng bởi thông số

dầu mỡ.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

** Trong giai đoạn thi công:*

- Bụi thải: phát sinh từ các công đoạn vận chuyển, đào đắp, san lấp, tháo dỡ, tập kết nguyên vật liệu, bụi từ khu vực trộn bê tông.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển của phương tiện, máy móc thi công như CO, NO₂, SO₂, VOC_s.

** Trong giai đoạn vận hành:*

- Bụi thải: phát sinh từ hoạt động của xe chở vật tư, xe chở cán bộ.

- Khí thải: phát sinh từ quá trình hoạt động của xe tải vận chuyển vật tư và xe chở cán bộ như khí: SO₂, NO_x, CO, CO₂, VOC.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

** Trong giai đoạn thi công chất thải rắn thông thường bao gồm:*

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ và công nhân tham gia thi công tại Dự án bao gồm: giấy loại, bao bì đựng thức ăn, các vật dụng sinh hoạt thải... với tổng khối lượng phát sinh khoảng 24kg/ngày.

- Chất thải rắn xây dựng phát sinh từ hoạt động thi công: bao bì đựng xi măng, vữa xi măng rơi vãi, gạch đá vụn, sắt thép vụn, đất đá thừa... ước tính khoảng 0,36kg/ngày. Ngoài ra còn một lượng đất đá thải phát sinh trong quá trình thi công đào đắp ước tính khoảng 4,33m³.

** Trong giai đoạn vận hành chất thải rắn thông thường bao gồm:*

- Chất thải rắn sinh hoạt: rau, củ, quả, thức ăn thừa, bao bì, đồ hộp đựng thực phẩm, nilon... ước tính khoảng 1,79 – 2,38kg/ngày.

- Chất thải rắn từ hoạt động thu dọn, nạo vét lòng hồ: bùn cát, cành cây, gỗ mục, thực vật thủy sinh, bao bì... ước tính khoảng 58 m³/đợt.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH):

** Trong quá trình thi công:*

Các CTNH của Dự án bao gồm: Dầu thải (khoảng 60kg), mỡ bôi trơn tháo từ các bộ phận của phương tiện thi công (30kg), giẻ lau nhiễm dầu (20kg), bóng đèn huỳnh quang (2 kg), pin, ắc quy (10kg), vỏ thùng đựng hóa chất, thùng chứa sơn (15 kg).

** Trong quá trình vận hành:*

- Các CTNH bao gồm: dầu cách điện tổng hợp thải, dầu thủy lực tổng hợp thải, dầu mỡ rò rỉ, giẻ lau nhiễm dầu, mỡ, bóng đèn huỳnh quang, pin, ắc quy thải... ước tính khoảng 671 kg/năm.

- Ngoài ra, trong nhà máy còn có khả năng phát sinh một lượng dầu thải từ hệ thống thu gom dầu mỡ thải và thiết bị phân ly dầu nước (xử lý nước nhiễm

dầu khi xảy ra sự cố rò rỉ khi bảo dưỡng các ô trục tua bin, bôi trơn các ổ bi thiết bị) lượng này chỉ phát sinh khi xảy ra sự cố.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

** Trong giai đoạn thi công:*

a) Hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt của các cán bộ công nhân được xử lý qua hệ thống nhà vệ sinh có bể tự hoại đạt chuẩn, nước thải sau khi qua bể tự hoại được dẫn qua hồ môi trường trồng cây xanh trước khi thải ra ngoài môi trường. Dự án bố trí 02 nhà vệ sinh di động.

** Quy chuẩn nước thải sinh hoạt đầu ra:* nước thải sinh hoạt sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt với hệ số $K = 1,2$ trước khi xả xuống suối Séo Trung Hồ.

b) Hệ thống thu gom và xử lý nước thải thi công

** Quy trình thu gom và xử lý nước thải thi công:*

- Nước thải → gom vào các rãnh thu → hồ lắng → suối Séo Trung Hồ.

** Quy chuẩn nước thải thi công đầu ra:* nước thải thi công của Dự án sau xử lý phải đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với hệ số $K_q = 0,9$, $K_f = 1,2$ trước khi xả xuống suối Séo Trung Hồ.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

** Trong giai đoạn thi công:*

- Không sử dụng xe quá niên hạn.

- Thực hiện che phủ các xe tải chuyên chở vật liệu, đất đá thải, kết hợp phun nước tưới ẩm.

- Bố trí bãi tập kết vật liệu hợp lý, việc thi công thực hiện theo phương pháp cuốn chiếu.

- Vật liệu san lấp sau khi được vận chuyển đến công trình phải được san gạt, đầm ủi ngay để tránh nước mưa cuốn trôi vào nguồn nước.

- Vệ sinh thiết bị sau mỗi ngày làm việc, dọn dẹp, vệ sinh khu vực lán trại và công trường, tuyệt đối không vứt rác và thức ăn thừa bừa bãi ra công trường.

- Xây dựng kế hoạch, thời gian thực hiện, lựa chọn tuyến đường hoạt động hợp lý.

- Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân tham gia thi công.

** Trong giai đoạn vận hành:*

Đây là công trình không làm ô nhiễm không khí trong giai đoạn vận hành.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

** Trong giai đoạn thi công:*

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

Bố trí 02 thùng 120 lít (có nắp đậy) tại khu vực lán trại đựng chất thải rắn sinh hoạt, hàng ngày phân loại sơ bộ thành phần chất thải trước khi xử lý.

+ Thức ăn thừa: được tận dụng để làm thức ăn cho động vật nuôi (chó, gà, lợn)

+ Chất thải có khả năng cháy (túi bọc thực phẩm, giấy vụn, lá cây...), được thu gom tại hố thu rác (kích thước 1×1,5×1m), định kỳ được đốt bỏ.

+ Vỏ chai, lon,...có khả năng tái chế được thu gom vào bao tải, chứa tạm thời tại khu vực bếp, định kỳ được vận chuyển ra bán cho các đơn vị thu mua.

- Đối với chất thải rắn xây dựng:

Các chất thải như sắt phế liệu, bao bì, nhựa... được thu gom và bán cho các đại lý/cá nhân thu mua phế liệu.

Chất thải rắn xây dựng phát sinh từ hoạt động đào đất đá được đổ thải ở bãi thải cách công trường khoảng 6km. Sau khi hoàn thành đổ thải, tiến hành trồng cây xanh đảm bảo không bị sạt lở, xói mòn bãi thải xuống khu vực xung quanh.

** Trong giai đoạn vận hành:*

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

+ Bố trí 4 thùng 60 lít, 08 thùng 20 lít để thu gom chất thải rắn sinh hoạt, hàng ngày phân loại sơ bộ thành phần chất thải trước khi xử lý.

+ Thức ăn thừa: được tận dụng để làm thức ăn cho động vật nuôi (chó, gà, lợn)

+ Chất thải có khả năng cháy (túi bọc thực phẩm, giấy vụn, lá cây...), được thu gom tại hố thu rác (kích thước 1×1,5×1m). Số lượng 02 hố: 01 hố tại khu vực nhà máy, 01 hố tại khu vực đập; định kỳ được đốt bỏ.

+ Vỏ chai, lon,...có khả năng tái chế được thu gom vào bao tải, chứa tạm thời tại khu vực bếp, định kỳ được vận chuyển ra bán cho các đơn vị thu mua.

- Chất thải từ quá trình thu dọn lòng hồ: ký hợp đồng dịch vụ thu gom và vận chuyển ra đúng nơi quy định.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTNH:

** Trong giai đoạn thi công:*

- Bố trí các thùng chứa CTNH sau đó tiến hành thu gom phân loại CTNH theo các thùng chứa đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định, bao gồm:

+ 03 thùng 60 lít: chứa giẻ lau, găng tay dính dầu, bóng đèn huỳnh quang...;

+ 03 thùng phuy 200 lít: chứa chất thải nhiễm dầu, nhiên liệu thải, cặn sơn...;

- Bố trí khu vực lưu trữ CTNH trong giai đoạn thi công gần kho chứa

CTNH hiện tại của dự án.

- CTNH sau khi thu gom sẽ thuê đơn vị có chức năng để thu gom xử lý theo đúng quy định.

** Trong giai đoạn vận hành:*

- Sử dụng kho chứa CTNH tại khu vực nhà kho trong khuôn viên nhà máy với diện tích 25m².

- Bố trí hệ thống thu gom dầu mỡ thải rò rỉ trong quá trình bảo dưỡng đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Trong kho chứa phân khu vực riêng cho từ mã chất thải và bố trí:

+ 1 thùng dầu V = 2 - 5m³ dùng để chứa dầu thủy lực thải.

+ 4 thùng thể tích 240 lít dầu cách điện thải.

+ 2 thùng 200 lít: chứa giẻ lau, gang tay dính dầu,...

+ 1 thùng 60 lít: chứa bóng đèn huỳnh quang thải

- Các thùng được dán nhãn mác để phân loại theo TCVN 6707:2009/BTNMT về chất thải nguy hại - Dấu hiệu cảnh báo.

- Sau khi CTNH được thu gom, phân loại theo định kỳ chủ dự án thuê đơn vị xử lý CTNH để vận chuyển và xử lý theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung:

- Xây dựng gian lắp máy số 3 khớp nối đồng bộ với công trình nhà máy hiện trạng, kết cấu bê tông cốt thép vững chắc chống chấn động. Các thiết bị gây ồn lớn như tuabin, máy phát điện, máy nén khí được bố trí hợp lý để giảm thiểu tiếng ồn và rung động.

- Lắp đặt máy móc theo đúng thiết kế của nhà sản xuất, thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng, thay thế các chi tiết hao mòn.

- Bố trí khoảng cách giữa các máy móc, thiết bị có độ ồn lớn hợp lý.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó với sự cố môi trường:

a) Tại vị trí đập dâng và đê quai:

Tuân thủ nghiêm các phương án phòng, chống lụt bão; Phương án bảo vệ đập và Phương án phòng chống lũ lụt vùng hạ du đập và đã được UBND tỉnh Lào Cai phê duyệt; lập ban chỉ huy phòng chống lụt bão, thiên tai, hỏa hoạn; đội xung kích chuẩn bị sẵn sàng ứng cứu khi có các sự cố xảy ra tại khu vực đập thủy điện Sáo Chong Hô; chuẩn bị các vật tư, vật liệu dự phòng, dụng cụ, thiết bị, xe gắn máy, lương thực, thuốc men; kịp thời thông báo cho công nhân và di chuyển máy móc trên công trường tại nhà máy ra khỏi khu vực nguy hiểm.

b) Tại khu vực thi công mở rộng nhà máy:

Tuân thủ các giải pháp kỹ thuật, các tiêu chuẩn thiết kế khi thi công hồ móng, đào đắp các hạng mục công trình; bố trí biển cảnh báo tại các khu vực có nguy cơ xảy ra trượt lở; hạn chế thi công vào những ngày mưa lớn.

Biện pháp giảm thiểu, ứng cứu sự cố vỡ đập, sự cố xả lũ.

c) Tại bãi thải đất đá:

Tuân thủ nghiêm thiết kế kỹ thuật, thi công khi tiến hành đổ thải

d) Về giảm thiểu tác động do thay đổi chế độ dòng chảy:

Tuân thủ nghiêm ngặt quy định vận hành hồ chứa đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

e) Tại khu vực lòng hồ:

Xây dựng quy trình khai thác vùng bán ngập, quản lý và hướng dẫn việc canh tác trên vùng bán ngập đúng quy trình.

Tuân thủ quy trình vận hành hồ chứa theo quy định tại Quyết định số 1865/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 6571/QĐ-BCT ngày 15/12/2008 của Bộ Công thương và theo quy định của địa phương.

g) Đối với môi trường sinh thái:

Tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo vệ rừng cho cán bộ, công nhân xây dựng và người dân địa phương tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ rừng.

h) Tại trạm biến áp:

Có giải pháp kỹ thuật để bảo dưỡng trạm, kiểm tra theo dõi định kì hệ thống trạm tránh các sự cố rò rỉ dầu thải tại trạm. Bố trí hố thu dầu dưới móng máy biến áp để thu dầu khi có sự cố.

i) Đối với việc duy trì dòng chảy tối thiểu:

Lưu lượng xả dòng chảy tối thiểu của Dự án sau đập không được nhỏ hơn $0,2\text{m}^3/\text{s}$.

k) Đối với việc chống xói mòn bề mặt lưu vực hồ chứa: cấm khai thác đất, canh tác ở khu vực ngập; cấm chặt phá rừng tại khu vực ven hồ, lân cận đặc biệt tại khu vực bán ngập; thực hiện kiểm tra, giám sát hiện tượng xói mòn theo định kỳ và cùng với Chính quyền địa phương đầu tư, khuyến khích người dân có đất xung quanh hồ trồng cây góp phần tăng độ che phủ, đồng thời chống sạt lở.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

STT	Công trình bảo vệ môi trường	Số lượng	Ghi chú
1	Hệ thống bể tự hoại 3 ngăn: 02 bể tại khu vực nhà máy có tổng dung tích $21,5\text{m}^3$; 01 bể tại khu vực đập có dung tích 15m^3 .	03	Nước thải sau xử lý thải sẽ được dẫn ra hồ môi trường trồng cây xanh trước khi xả ra suối Séo Trung Hồ (hiện trạng đã có).
2	Hệ thống thu gom nước thải	01	Nước thải nhiễm dầu khi có sự cố sau xử lý

STT	Công trình bảo vệ môi trường	Số lượng	Ghi chú
	nhiệm dầu khi có sự cố.		thải ra suối Séo Trung Hồ (hiện trạng đã có).
3	Kho chứa chất thải nguy hại, diện tích 25m ² .	01	Sau khi thu gom, tập kết tại kho sẽ thuê đơn vị có chức năng để vận chuyển xử lý (hiện trạng đã có).
4	Hố thu gom rác kích thước 1×1,5×1m.	01	Chất thải sinh hoạt được phân loại triệt để: tận dụng cho động vật nuôi, tái chế, tái sử dụng, chất thải có khả năng cháy được định kỳ đốt bỏ tại hố thu gom.
5	Bãi thải đất đá	01	Đất đá thải trong quá trình thi công được vận chuyển tới bãi thải đã có ở giai đoạn trước, bãi thải đã được xây dựng các rãnh đào xung quanh để dẫn nước, chân bãi thải đã được kê chắn bằng các bao quai theo thiết kế.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

5.1. Trong giai đoạn xây dựng:

a. Giám sát chất lượng mẫu khí:

- Số lượng: 01 mẫu
- Vị trí: Tại khu vực máy móc thiết bị đang thi công tại khu vực nhà máy.
- Thông số giám sát: Bụi tổng, CO, NO₂, SO₂, độ rung, tiếng ồn.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

b. Giám sát chất lượng nước thải sinh hoạt:

- Số lượng: 02 mẫu.
- Vị trí: 01 mẫu tại khu lán trại của công nhân; 01 mẫu tại vị trí xả nước thải sinh hoạt của nhà quản lý vận hành (gọi là nhà ban A).
- Thông số giám sát: pH, BOD₅, TSS, sunfua, amoni, nitrat, dầu mỡ, tổng chất hoạt động bề mặt, phosphat, coliforms.
- Tần suất: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B với hệ số K = 1,2.

c. Giám sát chất lượng nước thải xây dựng:

- Số lượng: 01 mẫu.
- Vị trí: Tại khu vực trộn bê tông.
- Thông số giám sát: pH, COD, BOD₅, TSS, As, Hg, Zn, dầu mỡ, tổng

Coliform, lưu lượng.

- Tần suất: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,2$.

d. Giám sát chất lượng nước mặt:

- Số lượng: 03 mẫu.

- Vị trí:

+ 01 mẫu tại khu vực đập đầu mối, lòng hồ dự án.

+ 01 mẫu tại suối Séo Trung Hồ phía trước điểm xả của kênh xả nhà máy.

+ 01 mẫu tại khu vực hạ lưu xây dựng nhà máy.

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, Amoni, Nitrit, Cu, Fe, Mn, Coliform.

- Tần suất: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

e. Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát:

+ Tại khu lán trại công nhân.

+ Trên mặt bằng công trình.

+ Tại khu tập kết máy và trên mặt bằng công trình.

- Thông số giám sát: Thành phần, chủng loại, số lượng,...

- Tần suất giám sát: Trong suốt thời gian thi công, hoàn thiện dự án

- Giám sát theo Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

f. Giám sát khác:

- Giám sát việc đổ thải và thu gom chất thải rắn. Tần suất thực hiện: 1 tháng/lần.

- Giám sát sạt lở, sụt lún công trình. Tần suất thực hiện: Liên tục trong quá trình thi công.

- Giám sát sự xói lở, sạt lở đất tại vùng hạ lưu sau đập. Tần suất thực hiện: Liên tục trong quá trình thi công.

- Giám sát quá trình vận chuyển nguyên vật liệu. Tần suất thực hiện: Liên tục trong quá trình thi công.

- Giám sát chế độ thủy văn, sự biến đổi dòng chảy, cửa xả nước. Tần suất

thực hiện: 06 tháng/lần.

- Giám sát sự biến động hệ sinh thái thủy sinh khu vực hồ chứa, khu vực hạ lưu sau đập: Thành phần và số lượng loài. Tần suất thực hiện: 01 năm/lần.

5.2. Trong giai đoạn vận hành:

a. Giám sát nước thải sinh hoạt:

- Số lượng: 01 mẫu.
- Vị trí: Tại khu vực sau bể tự hoại tại khu vực nhà máy.
- Thông số giám sát: pH, BOD₅, TSS, PO₄³⁻, NH₄⁺, NO₃⁻, H₂S, dầu mỡ, chất hoạt động bề mặt, Coliform
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K = 1,2.

b. Giám sát chất lượng nước mặt:

- Số lượng: 03 mẫu.
- Vị trí:
 - + 01 mẫu tại khu vực đập đầu mối, lòng hồ dự án.
 - + 01 mẫu tại suối Séo Trung Hồ phía trước điểm xả của kênh xả nhà máy.
 - + 01 mẫu tại khu vực hạ lưu nhà máy.
- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, Amoni, Nitrit, Cu, Fe, Mn, Coliform.
- Tần suất: 06 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

c. Giám sát chất thải nguy hại:

- Vị trí giám sát: Giám sát tổng lượng chất thải nguy hại tại kho lưu giữ chất thải nguy hại.
- Thông số giám sát: Thành phần, chủng loại, số lượng chất thải.
- Tần suất giám sát: tần suất vận chuyển xử lý chất thải trong suốt quá trình hoạt động của Dự án.
- Giám sát theo Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

d. Giám sát khác

d1. Giám sát chế độ thủy văn dòng chảy

- Mục nước hồ
- + Vị trí giám sát: Trên thân đập.

- + Hình thức: Thực hiện giám sát tự động, trực tuyến.
- + Chế độ: Không quá 15 phút/lần.
- Lưu lượng xả duy trì dòng chảy tối thiểu:
- + Vị trí giám sát: Công xả môi trường.
- + Hình thức: Thực hiện giám sát tự động, trực tuyến + giám sát bằng camera.
- + Chế độ: Không quá 15 phút/lần.
- Lưu lượng xả qua nhà máy:
- + Vị trí giám sát: Kênh xả.
- + Hình thức: Thực hiện giám sát tự động, trực tuyến.
- + Chế độ: Không quá 15 phút/lần.
- Lưu lượng xả qua tràn:
- + Vị trí giám sát: Cửa ra công lấy nước tại đập.
- + Hình thức: Giám sát định kỳ + Giám sát bằng camera.
- Căn cứ thực hiện: Điều 9, Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

d2. Giám sát an toàn đập:

- + Vị trí: Tại khu vực đập.
- + Tần suất: thường xuyên, đặc biệt trong mùa mưa lũ
- + Phương pháp: Trong suốt quá trình vận hành, thực hiện chương trình giám sát, quản lý an toàn đập bằng hệ các thiết bị chuyên dụng. Bố trí camera giám sát 24/24h theo dõi toàn bộ hồ, đập dâng, cửa lấy nước, nhà máy và các vị trí cần thiết của Dự án.

Khi có biểu hiện biến động bất thường, kịp thời thực hiện các biện pháp khắc phục.

d3. Giám sát sự cố môi trường

- Giám sát (quan trắc) mức nước về hồ theo ngày (04 lần/ngày). Trong trường hợp xảy ra mưa lớn cần giám sát mực nước 01 lần/giờ.
- Giám sát hoạt động xả lũ.

d4. Giám sát vùng lòng hồ

- Đo đạc, quan trắc các yếu tố khí tượng, thủy văn trên lưu vực hồ chứa, diễn biến về thấm, rò rỉ nước qua thân đập, nền đập, vai đập, chuyển vị của đập; diễn biến nứt nẻ, sạt trượt tại thân, nền và phạm vi lân cận công trình, tình trạng bồi lắng của hồ chứa. Cụ thể, nội dung và vị trí quan trắc khí tượng thủy văn theo quy định của Nghị định 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ

quy định chi tiết một số điều của luật khí tượng thủy văn gồm:

- Quan trắc lượng mưa tại đập chính, mực nước tại thượng lưu và hạ lưu đập chính; tính toán lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả, lưu lượng tháo qua tua bin, dự tính khả năng gia tăng mực nước hồ theo lưu lượng đến hồ, tần suất 4 lần một ngày theo giờ Hà Nội vào 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ trong mùa lũ, 2 lần một ngày vào 07 giờ, 19 giờ trong mùa cạn. Trường hợp vận hành chống lũ, tần suất quan trắc, tính toán tối thiểu một giờ một lần.

d5. Giám sát xói lở và bồi lắng, tái tạo

- Giám sát hiện tượng xói lở, sụt lún, sạt lở đất khu vực sau cửa xả nhà máy và hiện tượng bồi lắng hồ chứa:

- Tần suất xói lở: sau mùa lũ/lần
- Bồi lắng: thường xuyên, đặc biệt trong mùa mưa lũ
- Quan trắc lưu lượng đến hồ, mực nước hồ: Hàng ngày

d6. Giám sát biến động dòng chảy

- Giám sát dòng chảy ở thượng lưu và hạ lưu công trình đập (lòng dẫn), cửa xả nước từ nhà máy, trên lưu vực.

- Biến động dòng chảy tại khu vực dự án được đo đạc, giám sát bằng thiết bị tự động.

- Giám sát định kỳ về địa động lực ở tuyến kênh dẫn, đường ống áp lực về dự án:

- Thực hiện theo dõi về địa chất khu vực: tần suất 06 tháng/01 lần.
- Khảo sát định kỳ hàng năm về cá và thủy sinh trong vùng lòng hồ và khu vực sau đập từ khi bắt đầu tích nước nhằm phát hiện các thay đổi về thành phần loài và sự phát triển của chúng sau khi có hồ.

6. Các điều kiện liên quan kèm theo:

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau đây:

6.1. Dự án chỉ được phép triển khai khi thỏa mãn các điều kiện sau: Được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận thiết kế cơ sở của Dự án; Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn hồ, đập và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai toàn bộ Dự án.

6.2. Bố trí lán trại công nhân, kho chứa nguyên vật liệu ở những nơi phù hợp, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình thi công và vận hành Dự án; thực hiện việc thu dọn, hoàn trả mặt bằng, cải tạo phục hồi môi trường tại các khu đất sử dụng tạm thời.

6.3. Bảo đảm việc đổ thải đất, đá, phế thải xây dựng đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường; tổ chức theo dõi, giám sát công tác đổ thải đất đá, không để đất đá sạt lở.

6.4. Thực hiện giải pháp phòng ngừa và tổ chức theo dõi, giám sát các

hiện tượng mất an toàn, biến dạng bề mặt, dịch chuyển, sạt lở đất đá trên đường vận chuyển, bãi đổ thải, bờ suối trong quá trình thi công xây dựng Dự án. Khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra các hiện tượng mất an toàn, phải dừng ngay các hoạt động sản xuất, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

6.5. Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, độ rung, an toàn và môi trường hiện hành có liên quan.

6.6. Tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ khối lượng chất thải rắn, chất thải nguy hại, chất thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

6.7. Tổ chức theo dõi, giám sát thường xuyên trong quá trình trích nước từ đường ống áp lực và có giải pháp kỹ thuật để bảo đảm an toàn cho đường ống; tổ chức thu dọn, nạo vét lòng hồ, xử lý chất thải định kỳ hoặc sau khi có mưa lớn, lũ quét, đảm bảo chất lượng nước của hồ chứa và hạ du.

6.8. Nâng cấp hệ thống thu gom xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải sinh hoạt sau xử lý phải bảo đảm đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, $K = 1,2$ trước khi xả vào suối Séo Trung Hồ; nước thải nhiễm dầu phát sinh trong quá trình xây dựng và vận hành Dự án phải được thu gom, xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,2$ trước khi thải ra nguồn tiếp nhận (suối Séo Trung Hồ).

6.9. Thiết lập hệ thống cảnh báo nguy hiểm, cảnh báo giao thông trong khu vực thi công; thực hiện các biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công phù hợp nhằm giảm thiểu tác động tới các hoạt động giao thông của khu vực xung quanh; bố trí camera giám sát an toàn và sự cố môi trường (24/24h) tại các khu vực hồ, đập dâng, cửa lấy nước, nhà máy, các vị trí dễ sạt lở đất đá và một số vị trí cần thiết khác; có các giải pháp phù hợp, kịp thời để khắc phục các sự cố xảy ra.

6.10. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án; tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành; lưu giữ số liệu để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra khi cần thiết.

6.11. Hàng năm, lập và thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố khi xảy ra; bảo đảm an toàn cho người, máy móc, thiết bị, các công trình và môi trường xung quanh trong quá trình xây dựng và vận hành Dự án; tuân thủ các quy định về an toàn trong thi công và phòng chống cháy nổ.

6.12. Tuân thủ các quy định về khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả

nước thải vào nguồn nước theo yêu cầu của Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước và các quy định hiện hành.

6.13. Phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai và các cơ quan chức năng có liên quan thiết lập chế độ vận hành hồ chứa, liên hồ chứa bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu nhằm đảm bảo nhu cầu sử dụng nước tưới tiêu và bảo vệ môi trường sinh thái phía hạ lưu; trong quá trình xây dựng, vận hành Dự án, yêu cầu Chủ dự án phối hợp với dự án thủy điện Sử Pán 2 để thống nhất việc xây dựng đoạn kè bờ sông Ngòi Bo, điều tiết nước và các nội dung nêu tại văn bản số 100/SP2-KTKT ngày 14/7/2020 của Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2.

6.14. Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình chuẩn bị, triển khai, xây dựng và vận hành Dự án; tuân thủ nghiêm các quy định của UBND tỉnh Lào Cai, các quy định pháp luật hiện hành của nhà nước Việt Nam.

6.15. Phổ biến thông tin, tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức của cán bộ, công nhân viên và cộng đồng về bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành Dự án, có biện pháp quản lý đội ngũ cán bộ, lực lượng lao động nhằm ngăn chặn các hành vi chặt phá cây rừng, săn bắt động vật xung quanh khu vực thực hiện Dự án; tuyệt đối tuân thủ các quy định trong Luật Đa dạng sinh học, Luật Lâm nghiệp.

6.16. Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường, đảm bảo các cam kết như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.17. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với các Điều 1 và 2 của Quyết định này, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6.18. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường./.